

日本語・ベトナム語・ネパール語・フィリピン語・韓国語

ごみの出し方 ガイドブック

Sách hướng dẫn cách vứt rác
फोहोर व्यवस्थापन तरिका गाइडबुक
Paraan ng Pagtatapon ng Basura Guidebook
쓰레기 분리배출 가이드북

しず おか し しみ す く
静岡市清水区

Quận Shimizu, thành phố Shizuoka
शमिजु वार्ड, शजिओका नगर
Shimizu Ward, Shizuoka City
시즈오카시 시미즈구

- ごみ分別アプリ配信中！●ごみの出し方や分別方法、静岡市からの最新のお知らせなどを確認できます。
- ダウンロードはこちらの二次元コードから行ってください。
- Ứng dụng phân loại rác đang được phát hành! ●Bạn có thể xác nhận cách vứt rác, phương pháp phân loại rác và thông báo mới nhất, v.v... từ thành phố Shizuoka. ●Vui lòng quét mã QR tại đây để tải xuống.
- फोहोर छुट्याउने एप अब उपलब्ध छ। ●फोहोर व्यवस्थापन तरिका तथा फोहोर छुट्याउने वर्धिरे शजिओका नगरको नयाँ सूचना लगाएतका जानकारीहरु थाहा पाउन सक्नुहुन्छ। ●कृपया यो QR कोड प्रयोग गरेर डाउनलोड गर्नुहोस्।
- Available na ang app sa paghihiwalay ng basura! ●Maaari mong suriin ang paraan ng pagtatapon ng basura, paraan ng paghihiwalay nito, at ang mga pinakabagong impormasyon mula sa Shizuoka City, at iba pa. ●Mangyaring i-download mula sa QR code na ito.
- 쓰레기 분리수거 앱 다운로드 가능! ●쓰레기 분리수거, 배출 방법 등 시즈오카시의 최신 정보를 확인할 수 있습니다.
- 이 QR코드로 다운로드할 수 있습니다.

Google Play



App Store



ごみについての問い合わせ先 (日本語のわかる方を通じて問い合わせてください)

静岡市役所 収集業務課 ☎ 054-221-1365
清水収集センター ☎ 054-366-2751
静岡市役所 蒲原支所 ☎ 054-385-7730

■Nơi liên hệ về rác (Vui lòng liên hệ qua người biết tiếng Nhật)
Ban Nghiệp vụ thu gom rác của trụ sở hành chính thành phố Shizuoka / TEL:054-221-1365
Trung tâm thu gom Shimizu / TEL:054-366-2751
Chi nhánh Kambara, Trụ sở hành chính thành phố Shizuoka / TEL:054-385-7730

■फोहोर सम्बन्धी सोधपुछको लागि सम्पर्क (कृपया जापानी भाषा बुझ्ने व्यक्ति भित्रफत सोधपुछ गर्नुहोस्)
शजिओका नगरपालिका सङ्कलन डभिजिन / TEL:054-221-1365
शमिजु सङ्कलन केन्द्र / TEL:054-366-2751
शजिओका नगरपालिका कम्बारा शाखा / TEL:054-385-7730

■Para sa mga katanungan tungkol sa basura (Mangyaring makipag-ugnayan sa isang taong marunong magsalita ng Japanese)
Shizuoka City Hall Collection Operations Division / TEL:054-221-1365
Shimizu Collection Center / TEL:054-366-2751
Shizuoka City Hall Kambara Branch / TEL:054-385-7730

■쓰레기 관련 문의처(일본어를 아는 사람을 통해 문의해 주십시오)
시즈오카시청 수거업무과 / TEL:054-221-1365
시미즈 수거 센터 / TEL:054-366-2751
시즈오카시청 간바라지소 / TEL:054-385-7730

ごみの出し方

Cách vứt rác फोहोर व्यवस्थापन तरिका Paraan ng pagtatapon ng basura 쓰레기 분리배출



ごみは分別して決められた日の朝8時30分までに決められた場所に出してください。

Vui lòng phân loại rác và vứt rác đúng nơi quy định trước 8:30 sáng ngày quy định.

कृपया फोहोर छुट्याएर तोकिएको दनिमा बहिन ८:३० बजे भित्र तोकिएको ठाउँमा फालनुहोस्।

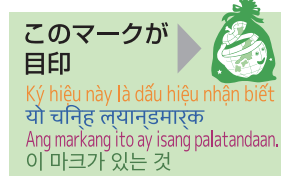
Mangyaring paghiwalayin ang inyong mga basura at itapon ito sa itinalagang lokasyon hanggang 8:30 a.m. sa itinakdang araw.
쓰레기는 분리하여 정해진 날 아침 8시 30분까지 지정된 장소에 배출해 주십시오.

ごみは、市指定・認定の半透明袋に入れ、口をしばって出してください。

Vui lòng cho rác vào túi trong mờ được thành phố chỉ định/chứng nhận và buộc chặt miệng túi rồi mới vứt.

कृपया फोहोरलाई नगरले तोकेको र प्रमाणित गरेको अर्ध-पारदर्शी झोलामा हालेर माथि बाँध्न सकेपछि मात्र फालनुहोस्।

Ilagay ang basura sa isang itinalagang translucent na plastic bag ng lungsod at isara ang bag bago ito itapon.
쓰레기는 시 지정·인정 반투명 봉투에 넣어 입구를 묶어 배출해 주십시오.



可燃ごみ

週2回

2 lần/tuần
हप्तामा दुई पटक
Dalawang beses kada linggo
주 2회

Rác đốt được / जलाउन मिल्ने फोहोर / Nasusunog na basura / 가연 쓰레기

生ごみ

Rác nhà bếp

खानाबाट नसिकिएका फोहोर

Nabubulok na basura

음식물 쓰레기



※よく水切りをして出してください。

※Vui lòng để ráo nước rồi mới vứt.

※कृपया राम्रोसँग पानी नकिलेर सुख्खा गरेपछि फालनुहोस्।

※Pakitanggal ng Mabuti ang tubig bago itapon.

※물기를 제거한 후 배출해 주십시오.

プラスチック類

(ポリバケツ、CD、DVD、シャンプー等の容器)

Các loại nhựa

(Xô nhựa, CD, DVD, chai đựng dầu gội, v.v...)

प्लास्टिका प्रकार

(पोलिसिटर बाल्टन, सीडी, डीभीडी, श्याम्पु लगाएका कन्टेनर)

Mga uri ng plastik

(Mga plastik na balde, lalagyan para sa mga CD, DVD, shampoo, atbp.)

플라스틱류

(폴리에틸렌 양동이, CD, DVD, 샴푸 등의 용기)



リサイクルできない紙類

(感熱紙、和紙、汚れの付着したもの等)

Các loại giấy không thể tái chế

(Giấy cảm nhiệt, giấy washi, giấy bị bẩn, v.v...)

रसिाइकलिंग गर्न नसकिने कागज

(थर्मल पेपर, जापानी पेपर, फोहोर लागेका वस्तुहरू आदि)

Papel na hindi maaaring i-recycle

(Mga thermal paper, papel na may dumi, atbp.)

재활용이 불가능한 종이류

(감열지, 일본 종이, 이물질이 부착된 종이 등)



ぬいぐるみ、衣類

Thú nhồi bông, các loại vải

आकर्षक खेलौना, लुगाफाटा

Mga stuffed toy, damit

봉제인형, 의류



皮革製品

(バッグ、くつ、ランドセルなど)

Sản phẩm bằng da

(Túi xách, giày dép, ba lô, v.v...)

छालाका उत्पादित सामानहरू

(झोला, जुता, बचुको ब्याग आदि)

Mga produktong gawa sa balat

(Mga bag, sapatos, randoseru (school bag), atbp.)

가죽 제품 (가방, 구두, 란도셀 등)



ゴム製品

(ホース、手袋、輪ゴムなど)

Sản phẩm bằng cao su

(Ống nước, găng tay, dây chun, v.v...)

रबरका उत्पादित सामानहरू

(पाइप, पन्जा, रबर ब्यान्ड आदि)

Mga produktong gawa sa goma

(Mga hose, guwantes, rubber band, atbp.)

고무 제품 (호스, 고무장갑, 고무줄 등)



ござ、むしろ類

Chiếu goza, các loại chiếu rơm

मेदरेस लगाएत उत्तै अरू सामानहरू

Mga uri ng straw mat, floor covering

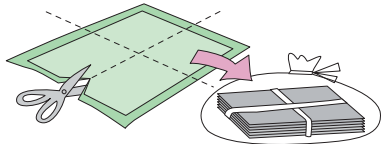
돗자리·명석 종류



じゅうたん、カーペット

Thảm, thảm trải sàn / गलैचा

Carpet / 용단, 카펫



※1m以内に切るかたむ
(1mを超えるものは不燃・粗大ごみへ)

※Cắt hoặc gấp lại thành mảnh có chiều dài không quá 1 m

(Nếu dài hơn 1 m, hãy vứt vào rác không đốt được hoặc rác công kênh)

※१ मटिर भित्रि काटने वा फोल्ड गर्ने

(१ मटिरभन्दा माथिको कुनै पन सामानलाई जलाउन

नसकिने र ठूलो फोहोरको रूपमा वर्गीकृत गरिने।)

※Gupitin o tiklupin ng 1m o mas maikli.

(Ang mga bagay na higit sa 1m ay dapat ilagay sa hindi nasusunog/malalaking basura.)

※1m 이내로 자르거나 접는다

(1m가 넘는 것은 불연·대형 쓰레기)

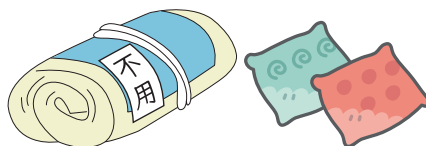
布団類、クッション

Các loại chăn nệm, đệm

ओछयानका प्रकार, कुसन

Mga uri ng futon, mga unan

이불류·쿠션



※しばって出してください。

袋に入るものは極力袋に入れて出してください。

※Vui lòng buộc chặt rồi mới vứt.

Những vật có thể cho vào túi thì hãy cho vào túi nhiều nhất rồi mới vứt.

※कृपया बाँधेर फालनुहोस्।

झोलामा राख्दा खेरि सकेसम्म मिल्ने गरि झोलामा राखेर फालनुहोस्।

※Pakibigkis bago itapon.

Ilagay ang lahat ng maaaring ilagay sa isang plastic bag.

※묶어서 배출해 주십시오.

봉투에 들어가는 것은 최대한 넣어서 배출해 주십시오.

庭木、植木など

Cây cảnh, cây trồng, v.v... / बाँचाका रूखहरू, बरुवाहरू आदि।

Mga puno sa hardin, halaman, atbp. / 정원수, 분재 등



※木の幹や枝葉は長さ1m以内、太さ直径20cm以内に

にして必ずしばるか、袋に入れてください。

1回に10袋、10束以内。土は極力ふるい落として

ください。

※Thân cây và cành cây phải được cắt thành đoạn không dài quá 1m,

đường kính không quá 20cm và phải buộc chặt hoặc cho vào túi.

Mỗi lần vứt tối đa 10 túi hoặc 10 bó. Hãy loại bỏ đất nhiều nhất

có thể.

※रूखका हाँगा, हाँगा र पातहरू १ मटिर लम्बाइ र २० सेन्टिमिटर

व्यास भित्रि राख्नु पर्छ र बाँध्ने अनि झोलामा राख्नुहोस्।

एक पटकमा १० वटा झोला, १० बन्डलसम्म। सकेसम्म सबै

माटो नकाल्नुहोस्।

※Gawing 1m pababa ang haba ng mga puno, sangay, at dahon at

20cm ang lapad at itali o ilagay sa isang plastic bag.

10 plastic bag o mas mababa, o 10 tali lamang sa isang tapunan.

Mangyaring tanggalin ang anumang lupa hangga't maari.

※나무의 줄기, 가지, 잎은 길이 1m 이내, 두께 지름 20cm

이내로 만들어, 반드시 묶거나 봉투에 넣어 주십시오.

1회에 봉투 10개, 10묶음 이내. 흙은 최대한 제거해 주십시오.

不燃・粗大ごみ

月1回

1 lần/tháng
महानिमा एक पटक
Isang beses kada buwan
월 1회

Rác không đốt được/rác công kênh / जलाउन नसकनि र ठूलो फोहोर / Hindi nasusunog/malalaking basura / 불연·대형 쓰레기

不燃・粗大ごみの出し方

Cách vứt rác không đốt được/rác công kênh / जलाउन नसकनि र ठूलो फोहोर व्यवस्थापन तरिका
Paraan ng pagtatapon ng hindi nasusunog at malalaking basura / 불연·대형 쓰레기 배출 방법

●申し込みによる月1回の戸別収集～収集車が自宅に伺います～●1回に出せる量は7点までです。●指定袋に入るものは、袋1つを1点と数えます。●製品やその材料によって分別収集しています。●収集日当日、朝8時30分までに申し込みの際に決定した場所に出してください。(近隣の迷惑・交通の妨げにならないようにごみを出してください。)

●Thu gom theo hộ gia đình 1 lần/tháng theo đơn đăng ký ~ Xe thu gom sẽ đến tận nhà bạn ~ ●Mỗi lần có thể vứt tối đa 7 món. ●Những vật dụng có thể cho vào túi quy định sẽ được tính 1 túi là 1 món. ●Rác được thu gom phân loại theo sản phẩm và chất liệu. ●Vui lòng vứt rác ở địa điểm đã được chỉ định khi đăng ký trước 8:30 sáng ngày thu gom. (Vui lòng vứt rác sao cho không gây ảnh hưởng đến giao thông và hàng xóm xung quanh.)

●आवेदन दर्पण घरपरिवारले महानिमा एक पटक सडकलन गर्ने - सडकलन गर्ने गाडी तपाईंको घरमा आउनेछ। ●एक पटकमा ७ वटासम्मको मात्रामा वस्तुहरू फाल्न सक्नुहुन्छ। ●नोकेरिका झोलामा राख्ने बेला परता झोलालाई ९ वटाको दरमा गणना गरिन्छ। ●उत्पादित सामान तथा यसको सामग्री अनुसार फोहोर छुट्टाछुट्टै सडकलन गरिन्छ। सडकलन गर्ने दिन ●कृपया आवेदन दौदा छनौट गर्नुभएको स्थानमा बहिन ८:३० बजे भित्रमा फाल्नुहोस्। (कृपया फोहोरले छमिकोको यातायातलाई बाधा नपुर्‍याउने कसिमिले फाल्नुहोस्।)

●Door-to-door na koleksyon isang beses sa isang buwan sa pag-aaplay ~ Darating ang sasakyan sa pagkolekta sa iyong tahanan ~ ●Hanggang 7 item lang ang maaaring itapon sa isang koleksyon. ●Ang mga bagay na kasya sa mga itinalagang plastic bag ay bibilangin bilang isang item. ●Ang basura ay hinihiwalay at kinokolekta base sa produkto at mga materyales nito. ●Itapon ang iyong basura sa itinalagang lokasyon na isinaad sa aplikasyon, bago ang 8:30 a.m. sa araw ng koleksyon. (Itapon ang basura ng hindi nakakasagabal sa trapiko sa kapitbahayan.)

●신청자에 한해 월 1회 호별 수거~수거차가 방문합니다- ●1회에 버릴 수 있는 양은 7개까지입니다. ●지정된 봉투에 들어가는 것은 봉투 1개를 1개로 계산합니다. ●제품이나 재료에 따라 분리해서 수거합니다. ●수거일 당일 아침 8시 30분까지 신청할 때 결정장소에 배출해 주십시오. (근처에 폐를 끼치거나 교통에 방해가 되지 않도록 해 주십시오)

金属類

Đồ kim loại / धातुका परकार
Mga uri ng metal / 금속류

材料の金属含有率が60%以上を目安としています。

Tỷ lệ chứa thành phần kim loại trong vật liệu theo tiêu chuẩn là từ 60% trở lên.
सामग्रीको लक्ष्मि धातु सामग्री ६०% वा सोभन्दा बढी अनुदान गरिएको छ।
Ang pamantayan ay 60% o higit pang porsyento ng nilalaman na metal ng materyales
재료의 금속 함유율 60% 이상이 기준입니다.

出されるごみ1点ごとに **氏名 不用金属** と書いた紙を貼るか直接書いてください。

Mỗi món rác được vứt phải dán giấy ghi rõ "Họ tên" và "Không dùng" (Kim loại không còn sử dụng) hoặc viết trực tiếp lên vật đó.
फाल्न मिल्ने फोहोर प्रत्येकमा "नाम" र "नउ" (अनावश्यक) भन्ने लेखेको कागज टासुनु वा प्रत्येक रूपमा लेख्नुहोस्।
Para sa bawat item ng basurang itatapon, pakidikit ang isang pirasong papel na may nakasulat na "Pangalan" at "Nagagamit" (Hindi Kinakailangan Metal) o direktang isulat ang mga nasabing mga impormasyon.
배출하는 쓰레기 1개마다 '이름'과 '불용(불용)'을 쓴 종이를 붙이거나 직접 써 주십시오.

オーブントースター
Lò nướng bánh
टोस्टर ओभन
Oven toaster
오븐토스터

電子レンジ
Lò vi sóng
माइक्रोवेव ओभन
Microwave oven
전자레인지

ヘルスメーター
Cân sức khỏe
स्वास्थ्य मीटर
Health meter
체중계

アイロン
Bàn ủi
फलाम
Plantsa
다리미

自転車
Xe đạp
साइकल
Bisikleta
자전거

金属製のロッカーや机
Tủ và bàn làm việc bằng kim loại
धातुका लकर र डेस्कहरू
Metal locker at mesa
금속제 로커, 책상

パイプベッド (セミダブルサイズまで)
Giường ống (tối đa cỡ semi-double)
पाइप बेड (अर्ध-दोहोरो आकार सम्म)
Pipe bed (hanggang semi-double size)
파이프 침대(세미더블 사이즈까지)

ストーブ・ファンヒーター
Lò sưởi, quạt sưởi
सटोभ र पंखा हटिहरू
Stove fan heater
난로·팬히터

金属製の物干し竿やボール等
Sào phơi đồ, cột kim loại, v.v...
धातुको कपडा सुकाउने वस्तु जस्ता खम्बाहरू आदी
Metal na sampayan, poste, atbp.
금속제 빨래 건조봉 등

その他不燃・粗大ごみ

Rác không đốt được/rác công kênh khác
अन्य जलाउन नसकनि र ठूलो फोहोर
Iba pang hindi nasusunog/malalaking basura
기타 불연·대형 쓰레기

瀬戸物類
Đồ gốm sứ
मालो भाँडाका परकार
Chinaware
도자기류

かさ
Ô
खता
Payong
우산

ガラス製品
Sản phẩm thủy tinh
सिनिबाट उत्पादित सामान
Babasingang produkto
유리 제품

コップ、割れびん
Cốc, chai vỡ
कप, फुटेका बोटल
Tasa, basag na bote
컵, 깨진 병

炊飯器
Nồi cơm điện
राइस कूकर
Rice cooker
밥솥

電球
Bóng đèn
चमि
Bumbilya
전구

包丁、ナイフなどの刃物
Dao bếp, dao kéo có lưỡi cắt, v.v...
चककु लागाएत अन्य बेडोडका वस्तुहरू
Mga matutulis na bagay tulad ng kutsilyo at kutsilyo sa kusina, atbp.
식칼, 나이프 등의 날붙이

掃除機
Máy hút bụi
भूयकुम क्लनर
Vacuum cleaner
청소기

テーブル、たんすなど大型家具類
Đồ gia dụng cỡ lớn như bàn và tủ, v.v...
डेबल र ड्रेसर जस्ता ठूला फर्निचरका परकारहरू
Malaking kasangkapan tulad ng mesa at aparador
테이블, 장롱 등 대형 가구류

扇風機
Quạt điện
बजिलीको पंखा
Electric fan
선풍기

木製ベッド (セミダブルサイズまで)
Giường gỗ (tối đa cỡ semi-double)
काठको ओछ्यान (अर्ध-डबल आकार सम्म)
Kamang gawa sa kahoy (hanggang sa semi-double size)
목제 침대(세미더블 사이즈까지)

ベビーカー
Xe đẩy trẻ em
बेबी स्ट्रोलर
Stroller
유모차

ステレオ・コンボ、オーディオ類
Dàn âm thanh nổi và thiết bị âm thanh
स्टेरेयो, कम्पोनेन्ट र अडियो उपकरणका परकार
Stereo/combo, mga uri ng kagamitang audio
스tereo 컴포넌트·오디오 기기

出されるごみ1点ごとに **氏名 不用** と書いた紙を貼るか直接書いてください。

Mỗi món rác được vứt phải dán giấy ghi rõ "Họ tên" và "Không dùng" (Không dùng) hoặc viết trực tiếp lên vật đó.
फाल्न मिल्ने फोहोर प्रत्येकमा "नाम" र "नउ" (अनावश्यक) भन्ने लेखेको कागज टासुनु वा प्रत्येक रूपमा लेख्नुहोस्।
Para sa bawat item ng basurang itatapon, pakidikit ang isang pirasong papel na may nakasulat na "Pangalan" at "Nagagamit" (Hindi Kinakailangan) o direktang isulat ang mga nasabing mga impormasyon.
배출하는 쓰레기 1개마다 '이름'과 '불용(불용)'을 쓴 종이를 붙이거나 직접 써 주십시오.

応接セット(パーツ1つで1点)
Bộ bàn ghế tiếp khách (mỗi phần tính là 1 món)
शोफा जस्ता रसिपशन सेट (पुर्ता भागलाई १ वस्तुको रूपमा गनिने)
Lounge suite (1 bahagi ng kagamitan, 1 item)
उप접 세트(개별 파트 하나당 1개)

ホットカーペット(縛って出してください)
Thảm sưởi ấm (Vui lòng buộc lại rồi mới vứt)
तातो कार्पेटहरू (कृपया रोल गरेर बाँधे पछि बाहिर राख्नुहोस्।)
Heated carpet (Itali ito at ilapon.)
전기 카펫(묶어서 배출해 주십시오)

注意事項 ●袋が破れし持てる程度の重さまでにしてください。●鋭利な部分があるごみは紙に包み安全措置をしてください。●スプレー缶は不燃・粗大ごみでは出せません。
●Vui lòng cho vào hộp đựng khi mua hoặc túi có thể nhìn thấy bên trong. Nếu không cho vào túi, vui lòng bỏ lại rồi mới vứt. Vui lòng cho bóng đèn huỳnh quang bị hỏng vào túi có thể nhìn thấy bên trong rồi mới vứt. Vui lòng ghi rõ "Họ tên" và "Không dùng" (Không dùng) lên mỗi món rác.
●कृपया कनिदाखेरिको टोकरि वा भित्र पारदर्शी झोलामा राख्नुहोस्। यदि झोलाहरूमा अदृश्य भन्ने, बन्डल बनाएर फाल्नुहोस्। फुटेका फ्लोरोसेन्ट बत्तीहरूलाई पारदर्शी झोलामा राखेर फाल्नुहोस्। कृपया प्रत्येक वस्तुमा "नाम" र "नउ" (अनावश्यक) भन्ने उल्लेख गर्नुहोस्।
●Magmamit sa kahon na nakikita o sa isang bag na nakikita ang mga nilalaman. Itali at itapon ang mga bagay na hindi kasya sa bag. Itapon ang mga basag na fluorescent lamp sa isang bag na nakikita ang mga nilalaman. Pakisaad ang "Pangalan" at "Nagagamit" (Hindi Kinakailangan) para sa bawat item.
●구입 시에 들어 있던 상자나 안이 보이는 봉투에 넣어서 배출해 주십시오. 봉투에 들어가지 않는 것은 묶어서 배출해 주십시오. 깨진 형광등은 안이 보이는 봉투에 넣어서 배출해 주십시오. 1개마다 '이름'과 '불용(불용)'을 표시해 주십시오.

蛍光灯

Đèn huỳnh quang / फ्लोरोसेन्ट बत्ती
Fluorescent na ilaw / 형광등

●購入時の箱か、中の見える袋に入れてください。袋に入らないものは、束ねて出してください。割れた蛍光灯は、中の見える袋に入れて出してください。1点ごとに「氏名」と「不用」を表示してください。

●Vui lòng cho vào hộp đựng khi mua hoặc túi có thể nhìn thấy bên trong. Nếu không cho vào túi, vui lòng bỏ lại rồi mới vứt. Vui lòng cho bóng đèn huỳnh quang bị hỏng vào túi có thể nhìn thấy bên trong rồi mới vứt. Vui lòng ghi rõ "Họ tên" và "Không dùng" (Không dùng) lên mỗi món rác.

●कृपया कनिदाखेरिको टोकरि वा भित्र पारदर्शी झोलामा राख्नुहोस्। यदि झोलाहरूमा अदृश्य भन्ने, बन्डल बनाएर फाल्नुहोस्। फुटेका फ्लोरोसेन्ट बत्तीहरूलाई पारदर्शी झोलामा राखेर फाल्नुहोस्। कृपया प्रत्येक वस्तुमा "नाम" र "नउ" (अनावश्यक) भन्ने उल्लेख गर्नुहोस्।

●Magmamit sa kahon na nakikita o sa isang bag na nakikita ang mga nilalaman. Itali at itapon ang mga bagay na hindi kasya sa bag. Itapon ang mga basag na fluorescent lamp sa isang bag na nakikita ang mga nilalaman. Pakisaad ang "Pangalan" at "Nagagamit" (Hindi Kinakailangan) para sa bawat item.

●구입 시에 들어 있던 상자나 안이 보이는 봉투에 넣어서 배출해 주십시오. 봉투에 들어가지 않는 것은 묶어서 배출해 주십시오. 깨진 형광등은 안이 보이는 봉투에 넣어서 배출해 주십시오. 1개마다 '이름'과 '불용(불용)'을 표시해 주십시오.

乾電池、ライター、体温計・温度計

Pin khô, bật lửa, nhiệt kế đo nhiệt độ cơ thể/nhiệt kế đo nhiệt độ không khí / ड्राई सेल ब्याटरी, लाइटर, कलनिकल थर्मोमीटरहरू
Bateria, lighter, body thermometer / room thermometer / 건전지, 라이터, 체온계·온도계

●中が見える小袋等に入れて出してください。●他の不燃・粗大ごみと併せて申し込みでください。

●Vui lòng cho vào túi nhỏ, v.v... có thể nhìn thấy bên trong rồi mới vứt. ●Vui lòng đăng ký vứt cùng với rác không đốt được/rác công kênh khác.

●कृपया भित्र पारदर्शी सानो झोलामा राखेर फाल्नुहोस्। ●कृपया अन्य जलाउन नसकनि ठूलो फोहोरहरूसँगै मिलाएर आवेदन दिनुहोस्।

●Ilagay sa isang maliit na bag na makikita sa loob. ●Magsumit ng aplikasyon kasama ng iba pang hindi nasusunog na malalaking basura.

●안이 보이는 작은 봉투 등에 넣어 배출해 주십시오. ●다른 불연·대형 쓰레기와 같이 신청해 주십시오.

●充電式電池はリサイクル協力店にお持ちください。取り外せない場合は、市ホームページで出し方をご確認ください。

●Vui lòng mang pin sạc đến cửa hàng hợp tác tái chế. Nếu không thể tháo rời pin, hãy xem cách vứt trên trang web của thành phố.

●कृपया रिचार्जेबल ब्याटरीहरू रिसाइकलिंग सपोट स्टोअरमा लैजानुहोस्। यदि ब्याटरीलाई नकालन सकिने, नगरको वेबसाइटमा फाल्ने तरिका चेक गर्नुहोस्।

●Dalhin ang mga rechargeable na baterya sa isang recycling partner store. Kung hindi mo ito makikita sa kagamitan, paki-check ang website ng lungsod para sa mga tagubilin kung paano ito aalisin.

●충전식 건전지는 재활용 협력점으로 가지고 오시면 됩니다. 분리가 안 되는 경우는 시 홈페이지에서 배출 방법을 확인해 주십시오.



不燃・粗大ごみの申し込み方法

Cách đăng ký thu gom rác không đốt được/rác cồng kềnh / जलाउन नसकनि र ठूलो फोहोरको आवेदन वधि
Paraan ng pag-aapply ng pagtatapon ng hindi nasusunog/malalaking basura / 불연·대형 쓰레기 신청 방법

申し込み期限

Thời hạn đăng ký / आवेदन सीमा / Deadline ng aplikasyon / 신청 기한

◆収集日の1週間(前の週の同じ曜日)まで

Trước ngày thu gom 1 tuần (cùng ngày trong tuần trước đó) / सङ्कलन मतिको एक हप्ता अगाडि सम्म (अघिल्लो हप्ताको सोही दिन)
Hanggang isang linggo bago ang petsa ng koleksyon (parehong araw ng nakaraang linggo) / 수거일 일주일 전(전주의 같은 요일)까지

申込期限を過ぎますと直近の収集日の受け付けができなくなり次回以降の収集日となりますので、お申し込みはある程度余裕をもってお願いします。

Nếu quá thời hạn đăng ký, sẽ không thể tiếp nhận yêu cầu cho ngày thu gom gần nhất mà sẽ được chuyển sang ngày thu gom từ lần tiếp theo, vì vậy vui lòng đăng ký sớm.
आवेदन सीमा सक्रियता नजिकको सङ्कलन मितिमा फाल्ति नसकनि हुन्छ र अर्को सङ्कलन मितिमा पछि मात्र फाल्ति सकिने भएकोले सकसम्म समय मलिएर आवेदन दनुहोस्।
Kapag lumipas na ang deadline ng aplikasyon, hindi na pwedeng tumanggap ng aplikasyon para sa papalapit na araw ng koleksyon, at ang susunod na koleksyon ng basura ay magiging sa susunod na pinakamalapit na petsa ng koleksyon o mas higit pa, kaya mag-apply nang maaga.
신청 기한이 지나면 가장 가까운 수거일 접수가 불가능하여 그 이후의 수거일에 수거하기 때문에 여유를 가지고 신청해 주시기 바랍니다.

申し込みできる量

Số lượng có thể đăng ký / आवेदन दिन सकिने मात्रा / Bilang ng basura na pwedeng i-apply / 신청 가능한 양

◆月に1回、7点以内でお願いします。

Vui lòng đăng ký 1 lần/tháng, tối đa 7 món. / महिनामा एक पटक, ७ वटा सम्म मात्र पेश गर्नुहोस्।
Mag-apply ng 7 item pababa, isang beses kada buwan. / 월 1회, 7개 이내로 부탁드립니다.

1点からでもお申し込みできますが、指定袋1点の場合は目安として最低20リットル程度まで溜めてからお申し込みください。

Bạn có thể đăng ký ngay cả với 1 món, nhưng nếu là 1 túi rác quy định, vui lòng để đống rác lại khi được ít nhất khoảng 20 lít rồi hãy đăng ký.

एउटा मात्र वस्तुको लागि आवेदन दिन सक्नुहुन्छ, तर तोकिएको झोला एउटा मात्र भएमा अनुदाजी कमसेकम २० लटरिसम्म भएपछि आवेदन दनुहोस्।

Maaari mag-apply kahit 1 item lang. Sa panahon na 1 item ng itinalagang bag lang ang ia-apply, bilang standard, punan ito ng hindi bababa sa 20 litro bago mag-apply.

1개도 신청이 가능하지만, 지정된 봉투 1개를 신청할 경우에는 최소 20L 정도까지 채워서 신청해 주십시오.

電話による申し込み

Đăng ký qua điện thoại / फोनबाट आवेदन दिन
Aplikasyon gamit ang telepono / 전화 신청

1 不燃・粗大ごみ受付センターに電話をかけてください。(日本語でお願いします)

Vui lòng gọi đến Trung tâm tiếp nhận rác không đốt được/rác cồng kềnh. (Vui lòng nói bằng tiếng Nhật)

कृपया जलाउन नसकनि ठूलो फोहोर रशिपसन केन्द्रमा कल गर्नुहोस्। (कृपया जापानी भाषामा बोलनुहोस्)

Tumawag sa Non-burnable Oversized Garbage Reception Center. (Mangyaring magsalita ng Japanese)

불연·대형 쓰레기 접수 센터로 전화해 주십시오. (일본어로 부탁드립니다)



0120-532-471



2 あなたの電話番号・住所・氏名・ごみの品目・点数・出す場所などを教えてください。

Vui lòng cho biết số điện thoại, địa chỉ, họ tên, loại rác, số lượng rác và nơi vứt rác, v.v... của bạn.

कृपया हमीलाई तपाईंको फोन नम्बर, ठेगाना, नाम, फोहोरको प्रकार, फोहोरको संख्या र कहाँ फाल्नु हुन्छ ठाउँ लगाएतका कुराहरू बताउनुहोस्।

Pakisabi sa amin ang iyong numero ng telepono, address, pangalan, uri ng basura, bilang ng mga item, at lugar kung saan ito itatapon.

신청자의 전화번호·주소·이름·쓰레기 품목·개수·배출 장소 등을 알려 주십시오.

3 お申し込みの内容の再確認のうえ、収集日をご案内しますのでご確認ください。

Chúng tôi sẽ xác nhận lại nội dung đăng ký và thông báo ngày thu gom, vì vậy vui lòng xác nhận.

आवेदनको ववरणको पुन जाँच गरेपछि सङ्कलन मतिको बारेमा जानकारी दिन भएकोले जाँच गर्नुहोस्।

Pakikumpirmang muli ang mga detalye ng iyong aplikasyon at ipapaalam namin sa iyo ang petsa ng koleksyon.

신청 내용을 재확인한 다음 수거일을 안내드리니 확인 부탁드립니다.

受付時間

Thời gian tiếp nhận

रशिपसन समय

Oras ng pagtanggap ng tawag

접수 시간

月曜日から金曜日(年末年始除く)午前9時から午後7時まで ※祝日(土・日を除く)も受付しています。

Thứ Hai đến thứ Sáu (trừ các ngày cuối năm và đầu năm) 9:00 sáng đến 7:00 tối ※Ngày lễ (trừ thứ Bảy, Chủ nhật) vẫn tiếp nhận.

सोमबार देखि शुक्रबार (नयाँ वर्षको बढि बाहेक) बिहान ९:०० बजे देखि बेलुका ७:०० बजे सम्म ※सार्वजनिक बिदाहरू(शनिबार र आइतबार बाहेक)मा पनि आवेदन स्वीकार गर्दैरहौं।

Lunes hanggang Biyernes (hindi kasama ang katapusan at umpisa ng taon) 9:00 a.m. hanggang 7:00 p.m. ※Tumatanggap din kami ng

mga aplikasyon tuwing pista opisyal (hindi kasama ang Sabado at Linggo).

월요일부터 금요일(연말연시 제외) 오전 9시부터 오후 7시까지 ※축일(토·일요일 제외)도 접수를 받습니다.

インターネットによる申し込み

Đăng ký qua Internet / इंटरनेट माफ्त आवेदन दिन
Aplikasyon gamit ang internet / 인터넷 신청

1 申込専用Webサイトにアクセスしてください。(日本語対応のみです)

Vui lòng truy cập trang web chuyên dụng để đăng ký. (Chỉ hỗ trợ tiếng Nhật)

आवेदन वेबसाइटमा गएर गर्नुहोस्। (जापानी मात्र)

Paki-access ang application website. (Naka-Japanese lang)

신청 전용 웹사이트에 접속해 주십시오. (일본어만 가능합니다)

https://gomi.city.shizuoka.jp/



2 画面の指示に従って入力をしてください。

Vui lòng nhập thông tin theo hướng dẫn trên màn hình. / अन-सक्रनि नरिदेशनहरूको पालना गरेर ववरणहरू भरनुहोस्।

I-type ang mga impormasyon ayon sa mga tagubilin sa screen. / 화면의 지시에 따라 입력해 주십시오.

注意事項

Mục cần chú ý

ध्यान दिनु परने कुराहरू

Mga pag-iingat

주의사항

インターネットに品目がない場合は、電話で申し込みをしてください。

Nếu không tìm thấy mục cần đăng ký trên Internet, hãy đăng ký qua điện thoại.

इन्टरनेटमा सामानको नाम उपलब्ध नभएको बेलामा, कृपया फोन माफ्त आवेदन गर्नुहोस्।

Kung wala ang item sa nakalagay sa internet, mag-apply gamit ang telepono.

인터넷에 품목이 없는 경우는 전화로 신청해 주십시오.

Chai lq, lon / बोटल र क्यानहरू / Mga Bote/Lata / 병·캔

びん

Chai, lq / बोटल / Bote / 병

●必ずキャップは外してください。●外れにくいキャップは取り外さなくても構いません。●プラスチック製のキャップは燃えるごみの日に、金属製のキャップは缶を入れる袋に入れて出してください。●中を簡単に水洗いして出してください。●割れたびん、化粧品びん、耐熱ガラス、ほ乳びんは不燃・粗大ごみにだしてください。●Vui lòng đảm bảo tháo nắp ra. ●Những nắp khó tháo thì không cần phải tháo. ●Vui lòng vứt nắp nhựa vào ngày thu gom rác đốt được, còn nắp kim loại thì cho vào túi đựng lon rồi mới vứt. ●Vui lòng súc rửa sơ bên trong với nước rồi mới vứt. ●Vui lòng vứt chai vỡ, chai mỹ phẩm, thủy tinh chịu nhiệt và bình sữa trẻ em vào rác không đốt được/rác cồng kềnh. ●अवश्य बरि को नकालनुहोस्। ●नकालनु गहरो भएक बरि कोहनु ननकालि पन किह फिर्क पर्दैन। ●प्लास्टिकबाट बनेका बरि कोहनुलाई जलाउन मलिने फोहोर फालने दनिमा, धातुको बरि कोहनुलाई क्यान राखेरको झोलामा राखेर फालनुहोस्। ●भतिर पानीले पखालेर फालनुहोस्। ●फुटेका बोटलहरू, कस्मेटिका बोटलहरू, ताप प्रतिरोधी गिलास र बच्चाका बोटलहरूलाई जलाउन नसकिने ठूलो फोहोरको रूपमा फालनुहोस्। ●Siguraduhing tanggalin ang takip. ●Hindi na kailangang tanggalin ang takip na mahirap tanggalin. ●Ang mga plastik na takip ay dapat itapon bilang itapon nasusunog na basura, at ang mga metal na takip ay dapat itapon sa isang bag na para sa lata. ●Hugasan lamang ng tubig ang loob at itapon ito. ●Mangyaring ang mga basag na bote, mga kosmetikong bote, mga baso o garapon na heat-resistant, at mga bote ng sanggol bilang hindi nasusunog/malalaking basura. ●반드시 뚜껑을 제거해 주십시오. ●제거하기 어려운 뚜껑은 그대로 두어도 괜찮습니다. ●플라스틱 뚜껑은 가연 쓰레기 버리는 날에, 금속 뚜껑은 캔을 넣는 봉투에 모아서 배출해 주십시오. ●안을 간단히 헹궈서 배출해 주십시오. ●깨진 병, 화장품 병, 내열 유리, 젖병은 불연·대형 쓰레기로 배출해 주십시오.



清水区(蒲原・由比地区を除く) ▶ 黄色のコンテナへ

Quận Shimizu(trừ khu vực Kambara và Yui) ▶ Cho vào thùng đựng màu vàng
शमिजु वार्ड (कम्बारा र युइ जिल्ला बाहेक) ▶ पहेंलो कन्टेनरमा
Shimizu Ward(hindi kasama ang distrito ng Kanbara at Yui) ▶ Sa dilaw na lalagyan
시미즈구(간바라·유이 지구 제외) ▶ 노란색 컨테이너박스



蒲原・由比地区 ▶ 黄色シールのコンテナへ

Khu vực Kambara và Yui ▶ Cho vào thùng đựng có tem màu vàng
कम्बारा युइ जिल्ला ▶ पहेंलो छाप भएको कन्टेनरमा
Distrito ng Kambara Yui ▶ Sa lalagyan na may dilaw na sticker
간바라·유이 지구 ▶ 노란색 라벨이 붙은 컨테이너박스



ビールびん

Chai bia / बयिरका बोटलहरू
Bote ng beer / 맥주병

●国産ビールびんのみ

Chỉ chai bia sản xuất tại Nhật Bản
घरेलु बयिरका बोटलहरू मात्र
Mga bote ng beer na gawa sa Japan lang
국산 맥주병만



一升びん

Chai 1,8 lft / 9.4 लटरको बोटल
1.8L na bote / 1.8L 병

●清酒 ●しょうゆ ●焼酎 ●みりん

●Rượu sake ●Nước tương ●Rượu Shochu ●Rượu Mirin
●सेइस्यू ●सोया सस ●स्योच्यू ●मरिनि
●Sake ●Toyo ●Shochu ●Mirin
●일본술 ●간장 ●소주 ●미림



清水区(蒲原・由比地区を除く) ▶ 青色のコンテナへ

Quận Shimizu(trừ khu vực Kambara và Yui) ▶ Cho vào thùng đựng màu xanh dương
शमिजु वार्ड (कम्बारा र युइ जिल्ला बाहेक) ▶ नीलो कन्टेनरमा
Shimizu Ward(hindi kasama ang distrito ng Kanbara at Yui) ▶ Sa asul na lalagyan
시미즈구(간바라·유이 지구 제외) ▶ 파란색 컨테이너박스



蒲原・由比地区 ▶ 白色シールのコンテナへ

Khu vực Kambara và Yui ▶ Cho vào thùng đựng có tem màu trắng
कम्बारा युइ जिल्ला ▶ सेतो छाप भएको कन्टेनरमा
Distrito ng Kambara Yui ▶ Sa lalagyan na may puting sticker
간바라·유이 지구 ▶ 흰색 라벨이 붙은 컨테이너박스



無色

Không màu
रंग नभएको
Walang kulay
무색



茶色

Màu nâu
खैरो रङ
Kulay brown
갈색



その他の色

Màu khác
अन्य रङहरू
Ibang kulay
기타



缶

Lon / क्यान / Lata / 캔

●中を簡単に水洗いして出してください。●アルミ缶とスチール缶に分別してください。

●Vui lòng súc rửa sơ bên trong với nước rồi mới vứt. ●Vui lòng tách riêng lon nhôm và lon thép. ●भतिर पानीले पखालेर फालनुहोस्। ●कूप्या आलुमुनयिम र स्टीलका क्यानहरू अलग गर्नुहोस्। ●Hugasan lamang ng tubig ang loob at itapon ito. ●Mangyaring hiwalay ang mga lata ng aluminyo sa mga bakal na lata. ●अलुमिनियम क्यान र स्टील क्यान गहुने गुणभेद अनुसार गुणभेद गर्नुहोस्। ●清水区(蒲原・由比地区を除く) ▶ 回収ネットへ / 蒲原地区 ▶ 市指定ごみ袋に入れて集積所へ / 由比地区 ▶ スチール缶はコンテナへ、アルミ缶は市指定ごみ袋に入れて集積所へ ●Quận Shimizu(trừ quận Kambara và Yui) ▶ Bỏ vào lưới thu gom / quận Kambara ▶ Bỏ vào túi đựng rác do thành phố chỉ định và mang đến điểm thu gom / quận Yui ▶ Bỏ lon thép vào thùng chứa, lon nhôm vào túi đựng rác do thành phố chỉ định và mang đến điểm thu gom ●शमिजु वार्ड (कम्बारा र युइ क्षेत्रहरू बाहेक) ▶ सङ्कलन जालमा राखनुहोस् / कम्बारा क्षेत्रहरू ▶ नगरले तोकिएको फोहोरको झोलामा राखेर सङ्कलन ठाउँमा लैजानुहोस् / युइ क्षेत्रहरू ▶ स्टीलका क्यानहरू कन्टेनरहरूमा, आलुमुनयिमका क्यानहरू चाहि नगरले तोकिएको फोहोरको झोलामा राखेर सङ्कलन ठाउँमा लैजानुहोस् ●Shimizu Ward(hindi kasama ang distrito ng Kanbara at Yui) ▶ Ilagay sa collection net / Distrito ng Kambara ▶ Ilagay sa itinalagang bag ng basura ng lungsod at dalhin ito sa collection point / Distrito ng Yui ▶ Ilagay ng mga bakal na lata sa mga container at aluminum can sa itinalagang bag ng basura ng lungsod at dalhin sa lugar ng koleksyon. ●시미즈구(간바라·유이 지구 제외) ▶ 수거 그물망으로 / 간바라 지구 ▶ 시 지정 쓰레기봉투에 넣어서 집적으로 / 유이 지구 ▶ 스틸 캔은 컨테이너박스, 알루미늄 캔은 시 지정 쓰레기봉투에 넣어서 집적으로



スプレー缶

Bình xịt / स्प्रे क्यानहरू / Lata ng spray / 스프레이 캔

●必ず中身を使い切ってください。●穴を開けずに、他の缶と分けて出してください。●清水区(蒲原・由比地区を除く) ▶ スプレー缶用ネットへ / 蒲原・由比地区 ▶ 中の見える袋に入れ、袋に「スプレー缶」と表示して集積所へ ●Vui lòng đảm bảo sử dụng hết bên trong. ●Vui lòng không đục lỗ và vứt riêng biệt với các loại lon khác. ●Quận Shimizu(trừ khu vực Kambara và Yui) ▶ Cho vào lưới đựng bình xịt / Khu vực Kambara và Yui ▶ Cho vào túi có thể nhìn thấy bên trong và ghi rõ "スプレー缶(Bình xịt)" lên túi và mang đến điểm tập kết rác ●नश्वित रूपमा भतिरका सबै प्रयोग गर्नुहोस् ●क्यानहरूमा प्वाल नपारी, अन्य क्यानहरूबाट अलग गरेर फालनुहोस्। ●शमिजु वार्ड (कम्बारा र युइ जिल्ला बाहेक) ▶ स्प्रे क्यानको लागि प्रयोग हुने नेटमा / कम्बारा र युइ जिल्ला ▶ कुनै प्वाल नपारी पारदर्शी झोलामा राखेर झोलामा "स्प्रे क्यान" (स्प्रे क्यान) को देखिने गरि सङ्कलन स्थानमा लैजानुहोस्। ●Siguraduhing gamitin ang lahat ng nilalaman. ●Mangyaring itapon nang hiwalay sa iba pang mga lata nang hindi naglalagay ng butas. ●Shimizu Ward(Hindi kasama ang distrito ng Kanbara at Yui) ▶ Sa net para sa spray na lata / Distrito ng Kambara/Yui ▶ Ilagay ito sa isang nakikitang bag, markahan ang bag bilang "स्प्रे क्यान" (Lata ng Spray) at dalhin ito sa lugar ng koleksyon. ●반드시 내용물을 다 사용하여 주십시오. ●구멍을 뚫지 말고 다른 캔과 분리해서 배출해 주십시오. ●시미즈구(간바라·유이 지구 제외) ▶ 스프레이 캔용 그물망 / 간바라·유이 지구 ▶ 안이 보이는 봉투에 넣어 봉투에 "스프레缶(스프레이 캔)"이라고 쓴 다음 집적으로



ペットボトル

月1回

1 lần/tháng
महिनमा एक पटक
Isang beses kada buwan
월 1회

Chai nhựa PET / प्लास्टिका बोटलहरू / PET bottle / 페트병

ペットボトル

Cách vớt chai nhựa PET / प्लास्टिका बोटलहरू फाल्ने तरिका
Paraan ng pagtatapon ng PET bottle / 페트병 배출법

●ペットボトルは♻の表示があるものだけです。●ラベルとキャップは必ずはずしてから出してください。●キャップの残りの帯ははずさなくて結構です。●集積所の回収ボックスに出してください。

●Chỉ chấp nhận chai nhựa PET có ký hiệu ♻. ●Vui lòng đảm bảo tháo nhãn và nắp rồi mới vớt. ●Không cần tháo phần nhãn còn sót lại trên nắp.

●प्लास्टिका बोटलहरूलाई ♻ चिन्ह लगाइएका को मात्र मान्य छ। ●लेबल र वरिकोहरू अनिवार्य रूपमा हटाएर मात्र फाल्नुहोस्।

●वरिकोको बाँकी स्ट्रपिहरू नहटाएन किंहा फरक छैन। ●सङ्कलन स्थानमा रहेको सङ्कलन बाक्समा राख्नुहोस्।

●Tanging mga bote lamang na may markang ♻ ang maituturing na mga PET bottle. ●Siguraduhing tanggalin ang label at takip bago itapon ang lalagyan. ●Hindi na kailangang alisin ang natitirang parte ng takip. ●Pakilagay ito sa collection box sa lugar ng koleksyon.

●페트병은 ♻ 표시가 있는 것만 해당됩니다. ●라벨과 뚜껑은 반드시 제거하고 배출해 주십시오. ●뚜껑에 남은 띠는 제거하지 않아도 됩니다. ●집적소의 수거 박스에 넣어 주세요.



ペットボトルの出し方

Cách vớt chai nhựa PET / प्लास्टिका बोटलहरू फाल्ने तरिका
Paraan ng pagtatapon ng PET bottle / 페트병 배출법

- 必ずキャップとラベルをはずす**
Hãy chắc chắn tháo nắp và nhãn
अनिवार्य रूपमा वरिको र लेबल नकाल्नुहोस्
Laging tanggalin ang takip at label.
반드시 뚜껑과 라벨을 제거한다
- 中を簡単に水洗いする**
Súc rửa sơ bên trong với nước
भत्तिरी भाग पानीले धुनुहोस्।
Hugasan lamang ang loob ng tubig.
안을 간단히 행군다
- できるかぎりつぶす**
Làm bẹp hết mức có thể
सकेसम्म नष्ट गर्नुहोस्
Pipiin hanggang sa makakaya.
최대한 압축한다
- 収集日に専用の回収ボックスに出す**
Vứt vào thùng thu hồi chuyên dụng vào ngày thu gom
सङ्कलन गर्ने दिन तोकिएको सङ्कलन बाक्समा राख्नुहोस्।
Ilagay ito sa itinalagang collection box sa araw ng koleksyon.
수거일에 전용 수거 박스에 내놓는다



古紙類

Các loại giấy cũ / पुराना कागजका प्रकार / Uri ng lumang papel / 폐지류

新聞紙

Giấy báo
पत्रपत्रिकाहरू
Dyaryo
신문지



本・雑誌・雑紙

Sách, tạp chí và giấy hỗn hợp
पुस्तक, पत्रिकाहरू र पत्रपत्रिकाहरू
Libro, magazine, iba't ibang papel
책·잡지·종이



段ボール

Bìa các tông
कार्डबोर्ड
Karton
골판지



紙パック

Hộp giấy
कागजको प्याक
Tetrapack
종이팩



品目ごとに整理して、紙ひもでしばって出してください。

Vui lòng sắp xếp theo từng danh mục và buộc lại bằng dây giấy rồi mới vớt.

कृपया वस्तुहरूलाई वर्ग अनुसार व्यवस्थित गरेर कागजको डोरीले बाँधेर फाल्नुहोस्।

Ayusin ang mga ito ayon sa item at itali ang mga ito ng papel na lubid bago itapon.

품목별로 정리하여 종이끈으로 묶어 배출해 주십시오.

自治会等で実施している集団古紙回収や民間業者による回収をご利用ください。

Vui lòng sử dụng dịch vụ thu hồi giấy cũ theo nhóm do ban tự quản, v.v... thực hiện hoặc dịch vụ thu hồi của doanh nghiệp tư nhân.

कृपया स्थानीय बासनिदा संघ वा नज्जि कम्पनीहरूद्वारा प्रदान गरिएको सामूहिक कागज संकलन सेवाहरूको प्रयोग लनुहोस्।

Mangyaring gumamit ng pangkatan na pangongolekta ng basurang papel na isinasagawa ng mga asosasyon ng kapitbahayan, atbp. o pangongolekta ng mga pribadong kumpanya.

자치회 등에서 실시하는 집단 폐지 수거와 민간업자의 수거를 이용해 주십시오.



古紙回収に出せないもの

Vật dụng không thể vớt theo diện thu hồi giấy cũ / पुराना फाल्ने कागजको सँकलनमा मसिउन नमिल्ने बस्तुहरू / Mga bagay na hindi maaaring itapon sa koleksyon ng lumang papel / 폐지 수거가 불가능한 것

紙

Giấy / कागज / Papel / 종이

●ティッシュ●写真●ビニールコート紙●紙コップなどのワックス加工紙
●感熱紙(ファックス用紙など) ●アルバムなど

●Khăn giấy ●Ảnh chụp ●Giấy phủ vinyl ●Giấy được gia công đánh bóng như cốc giấy, v.v... ●Giấy cảm nhiệt (giấy dùng để fax, v.v...) ●Album ảnh, v.v...

●टिश्यू ●फोटो ●भनिडल लगाइएको कागज ●कागजको कप जस्तो मैन लगाएको कागज

●थर्मल कागज (फ्याक्स कागज आदी) ●एलबमहरू आदी

●Tissue ●Litrato ●Vinyl coated na papel ●Waxed paper tulad ng paper cups, atbp.

●Thermal paper (tulad ng fax paper, atbp.) ●Album, atbp.

●टीशु ●사진 ●비닐코팅지 ●종이컵 등 왁스가공지

●감열지(팩스용지 등) ●앨범 등



紙以外のもの

Vật dụng không phải giấy / कागज बाहेकका वस्तुहरू / Mga bagay maliban sa papel / 종이 이외의 것

●ビニール袋●粘着テープ●ワッペン類●ファイルの金具●金属クリップ
●フィルム類●発泡スチロール●セロハンなど

●Túi nilon ●Băng dính ●Các loại huy hiệu ●Bộ phận kim loại kẹp hồ sơ

●Kẹp kim loại ●Các loại màng phim ●Mút xốp ●Giấy bóng kính, v.v...

●प्लास्टिका झोलाहरू ●टॅप्सने टेप ●ब्याज ●फाइल फटिगिह ●धातुको क्लिपिहरू

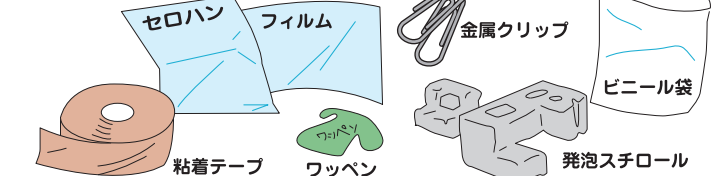
●चलचित्रहरू ●सुटाइरोफोम ●सेलोफेन आदी

●Plastic bag ●Tape na may pandikit ●Mga patches ●Document file metal fitting

●Metal clip ●Mga uri ng films ●Styrofoam ●Cellophane, atbp.

●बिनिलबुङ ●प्ल्यास्टिक ●वाफेन झुलु ●फाइल गोजेङ मसुङ जंजि ●मसुङ क्लिप ●फिल्मु

●발포스티롤 ●셀로판 등



家電4品目の処理について

Về việc xử lý 4 mặt hàng đồ điện gia dụng / चार प्रकारका घरायसी उपकरणहरूको डस्पोज / Pagtatapon ng apat na uri ng elektronikong appliances sa bahay / 가전 4품목 처리

- テレビ、洗濯機、衣類乾燥機、冷蔵庫、冷凍庫、エアコンは収集も持ち込みもできません。その家電製品を買ったお店か、最寄りの家電小売店にご相談ください。
- Tivi, máy giặt, máy sấy quần áo, tủ lạnh, tủ đông, điều hòa không thể thu gom hoặc mang đến trạm xử lý rác. Vui lòng trao đổi với cửa hàng nơi bạn mua sản phẩm điện gia dụng đó hoặc nhà bán lẻ đồ điện gia dụng gần nhất.
- टेलिभिजन, वाशडि मेसिन, लुगा सुकाउने मेसिन, रेफ्रिजरेटर, फ्रिजि र एयर कन्डिसनरहरू सङ्कलन गर्न वा ल्याउन सकिदैन। कृपया उपकरण खरिद गर्नुभएको पसल वा नजिकको उपकरण खुद्रा बकिरेतासँग परामर्श लनुहोस्।
- Hindi maaaring kolektahin o dalhin ang mga telebisyon, washing machine, dryer ng damit, refrigerator, freezer, at air conditioner. Makipag-ugnayan sa tindahan kung saan mo binili ang appliance sa bahay o ang pinakamalapit na retailer ng elektronikong appliances sa bahay.
- TV, 세탁기, 의류건조기, 냉장고, 냉동고, 에어컨은 수거도, 직접 가지고 오는 것도 불가능합니다. 해당 가전제품은 구입한 가게나 가장 가까운 가전제품 판매점에 문의하시기 바랍니다.

テレビ(ブラウン管・プラズマ・LED)	洗濯機・衣類乾燥機	冷蔵庫・冷凍庫	エアコン
Tivi (CRT, LCD, Plasma, OLED) टेलिभिजन (सिआरटी, एलसीडी, प्लाज्मा, ओ एलडी) Television (Cathode ray tube type, LCD, Plasma, Organic EL) TV (브라운관식-액정-플라즈마-유기EL)	Máy giặt लुगा धुने मेसिन Washing machine 세탁기	Máy sấy quần áo लुगा सुकाउने मेसिन Dryer ng damit 의류건조기	Tủ lạnh रेफ्रिजरेटर Refrigerator 냉장고
		Tủ đông फ्रिजिअरहरू Freezer 냉동고	Máy điều hòa एयर कन्डिसनरहरू Air conditioner 에어컨

パソコンの処理について

Về xử lý máy tính / कम्प्युटर डस्पोजको बारेमा / Pagtatapon ng personal computer / 컴퓨터 처리

- 処理するときは、購入したメーカーに申し込んでください。申し込み先は、各社のホームページなどでご確認ください。●パソコンは「小型家電リサイクル」に出すこともできます。
- Để xử lý, vui lòng đăng ký với nhà sản xuất mà bạn đã mua sản phẩm. Vui lòng xem trên trang web, v.v... của từng công ty để biết về nơi đăng ký.
- Máy tính cũng có thể được vứt theo diện "Tái chế đồ điện gia dụng cỡ nhỏ".
- डिस्पोज गर्ने बेला मा खरिद गर्नुभएको कम्पनीमा सम्पर्क गर्नुहोस्। आवेदनका लागि कृपया प्रत्येक कम्पनीको वेबसाइट हेर्नुहोस्। ●कम्प्युटरहरूलाई "साना घरेलु उपकरणहरूको रसाइकलिंग" को रूपमा पनर्प्रयोग गर्न सकिन्छ।
- Sa oras ng pagtatapon, mag-apply ng disposal sa manufacturer kung saan binili. Pakitingnan ang website ng bawat kumpanya para sa mga detalye kung saan dapat mag-apply.
- Maaari ding ipadala ang mga personal computer sa mga "Small Home Appliance Recycling".
- 처리할 때는 구입한 브랜드에 신청해 주십시오. 접수처는 회사 홈페이지 등에서 확인 부탁드립니다. ●컴퓨터는 '소형가전 재활용'으로 배출할 수도 있습니다.

対象となる機器	デスクトップパソコン	ノートパソコン	液晶・ブラウン管式ディスプレイ
●Thiết bị thuộc đối tượng ●लागू हुने उपकरणहरू ●Target na kagamitan ●대상 기기	Máy tính để bàn डेस्कटप पीसी Desktop computer 데스크톱컴퓨터	Máy tính xách tay ल्यापटप Laptop computer 노트북	Màn hình LCD & CRT एलसीडी र सिआरटी डिसप्लेहरू LCD at CRT na display 액정&브라운관식 디스플레이
お確かめください PCリサイクルマーク	Vui lòng kiểm tra dấu tái chế PC I-check. Marka ng pagre-recycle ng PC 확인 부탁드립니다 PC 재활용 마크.	Check ng gawing PC I-check. Marka ng pagre-recycle ng PC 확인 부탁드립니다 PC 재활용 마크.	PC 리사이클

- このマークがついた製品は新たな料金負担なしでメーカーが回収・再資源化します。マークがついていない製品は回収再資源化料金を各自、負担していただきます。
- Sản phẩm có dấu này sẽ được nhà sản xuất thu hồi và tái chế mà không phải chịu thêm phí. Đối với sản phẩm không có dấu này, bạn sẽ phải chịu phí thu hồi và tái chế.
- यो चिन्ह भएका उत्पादित नरिमाताद्वारा कुनै अतिरिक्त शुल्क नलिई सङ्कलन र पुनः प्रयोग गरिन्छ। यो चिन्ह नभएका उत्पादनहरूको लागि, सङ्कलन र रसाइकलिंग शुल्क लाग्ने छ।
- Ang mga produktong may ganitong marka ay kokolektahin at ire-recycle ng manufacturer ng walang karagdagang singil. Para sa mga produktong walang marka, ikaw ang sasagot sa pagbabayad ng bayarin sa pagkolekta at pagre-recycle ng basura.
- 이 마크가 붙은 제품은 추가 요금 부담 없이 브랜드가 수거·재활용합니다. 마크가 없는 제품은 수거·재활용 요금을 각자 부담해야 합니다.

小型家電リサイクル

Tái chế đồ điện gia dụng cỡ nhỏ / साना घरेलु उपकरण रसाइकलिंग / Pagre-recycle ng maliliit na elektronikong appliance sa bahay / 소형가전 재활용

- 回収品目：電気や電池で動く特定の家電製品（家電4品目は除く）。
- Danh mục thu hồi: Sản phẩm điện gia dụng được chỉ định hoạt động bằng điện hoặc pin (trừ 4 loại đồ điện gia dụng).
- सङ्कलन गर्नुपर्ने वस्तुहरू: केही वदियुतीय वा ब्याट्रीबाट चलने घरेलु उपकरणहरू (चार प्रकारका घरेलु उपकरणहरू बाहेक)।
- Mga item na kokolektahin: Mga partikular na elektronikong appliances sa bahay na tumatakbong gamit ang kuryente o mga baterya (Hindi kasama ang 4 na appliances sa bahay).
- 수거 품목: 전기가 전지로 작동하는 특정 가전제품(가전 4품목 제외)

携帯電話	ゲーム機	パソコン(ノート・デスクトップ)	音響機器	デジタルカメラ
Điện thoại di động गेम कन्सोल Mobile phone 휴대전화	Máy chơi game खेलका मेसिनहरू Game console 게임기	Máy tính (xách tay, để bàn) कम्प्युटर (नोटबुक र डेस्कटप) Personal computer (laptop/desktop) 컴퓨터(노트북·데스크톱)	Thiết bị âm thanh अडियो उपकरण Audio equipment 음향기기	Máy ảnh kỹ thuật số डिजिटल क्यामेरा Digital camera 디지털카메라
●区役所などに設置している専用の回収ボックスへ投入してください(15cm×26cmの大きさまで)。	●Vui lòng cho vào thùng thu hồi chuyên dụng đặt tại trụ sở hành chính quận, v.v... (Kích thước tối đa là 15cm x 26cm).	●कृपया वडा कार्यालय र अन्य तोकिएको स्थानमा जडान गरिएका तोकिएका सङ्कलन बक्सहरूमा (१५ सेमी x २६ सेमी आकारसम्म) फालनुहोस्।	●Thiết bị âm thanh अडियो उपकरण Audio equipment 음향기기	●Mangyaring dalhin ito nang direkta sa incineration plant ng lungsod (Walang limitasyon sa laki).
●Ilagay ang mga ito sa mga espesyal na collection box na naka-install sa mga tanggapan ng ward, atbp. (Hanggang sa 15cm x 26cm ang laki).	●시청 등에 설치된 전용 수거 박스에 넣어 주십시오(15cm×26cm 크기까지).	●市の清掃工場へ直接持ち込んでください(大きさの制限なし)。	●Mangyaring dalhin ito nang direkta sa incineration plant ng lungsod (Walang limitasyon sa laki).	●시외 쓰레기 처리 시설로 직접 가져와 주십시오. (크기 제한 없음)
●回收品目の詳細、回収ボックスや清掃工場の場所は、市ホームページまたはアプリでご確認ください。	●Để biết chi tiết về danh mục thu hồi và vị trí của các thùng thu gom và nhà máy xử lý rác, vui lòng xem trên trang web hoặc ứng dụng của thành phố.	●सङ्कलन गरिएका वस्तुहरू र सङ्कलन बक्स र फोहोर व्यवस्थापन प्लान्टहरूको स्थानहरूको जानकारीको लागि कृपया नगरको वेबसाइट वा एप जाँच गर्नुहोस्।	●回收品目の詳細、回収ボックスや清掃工場の場所は、市ホームページまたはアプリでご確認ください。	●Để biết chi tiết về danh mục thu hồi và vị trí của các thùng thu gom và nhà máy xử lý rác, vui lòng xem trên trang web hoặc ứng dụng của thành phố.
●Paki-check ang website o app ng lungsod para sa mga detalye sa mga kinokolektang item, at lokasyon ng mga collection box at mga incineration plant.	●수거 품목에 대한 자세한 안내, 수거 박스와 쓰레기 처리 시설의 위치는 시 홈페이지 또는 앱에서 확인해 주십시오.	●回收品目の詳細、回収ボックスや清掃工場の場所は、市ホームページまたはアプリでご確認ください。	●Để biết chi tiết về danh mục thu hồi và vị trí của các thùng thu gom và nhà máy xử lý rác, vui lòng xem trên trang web hoặc ứng dụng của thành phố.	●수거 품목에 대한 자세한 안내, 수거 박스와 쓰레기 처리 시설의 위치는 시 홈페이지 또는 앱에서 확인해 주십시오.

バイクの処理について

Về việc xử lý xe máy / मोटरसाइकलको डस्पोजको बारेमा / Pagtatapon ng motorsiklo / 오토바이 처리

- 市では収集も持ち込みもできません。処理するときは、二輪車リサイクルコールセンター(050-3000-0727)へお問合せください。
- Trong thành phố, không thể thu gom hoặc mang đến để xử lý. Khi xử lý, vui lòng liên hệ với Trung tâm cuộc gọi tái chế xe hai bánh (050-3000-0727).
- नगरले सङ्कलन वा लपरि कतै पनर्जान मलिदैन। आफ्नो मोटरसाइकल डस्पोज गर्दा, कृपया मोटरसाइकल रसाइकलिंग कल सेन्टर (०५०-३०००-०७२७) मा सम्पर्क गर्नुहोस्।
- Hindi maaaring kolektahin o dalhin sa lungsod ang mga motorsiklo. Para sa pagtatapon, makipag-ugnayan sa Motorcycle Recycling Call Center (050-3000-0727).
- 시에서는 수거도, 직접 가지고 오는 것도 불가능합니다. 처리는 이륜차 리사이클 콜센터(050-3000-0727)로 문의 부탁드립니다.

収集日程表

Bảng lịch trình thu gom सङ्कलन तालिका Iskedyul ng koleksyon 수거 일정표

あなたの地域の収集日は、下記のとおりです。(日本語のわかる方に日本語版をみて記入してもらうようお願いします。)

Ngày thu gom tại khu vực của bạn như sau. (Vui lòng nhờ người biết tiếng Nhật xem bản tiếng Nhật và điền thông tin.)

तपाईंको क्षेत्रको लागि संकलन दिनेहरू नम्रिनानुसार छन्: (कृपया जापानी भाषा बुझ्ने व्यक्तिलाई जापानी संस्करण हेरेर फारम भर्न लगाउनुहोस्।)

Ang mga araw ng koleksyon para sa iyong lugar ay ang mga sumusunod. (Mag-request sa isang taong nakakaintindi ng Japanese na tingnan ang Japanese version at punan ang form.)

당신의 거주 지역의 수거일은 다음과 같습니다. (일본어를 아는 사람에게 일본어판을 보고 기입을 부탁하기 바랍니다)

可燃ごみ

週2回

2 lán/tuán
हफतामा दुई पटक
Dalawang beses kada linggo
주 2회

Rác đốt được / जलाउन मिल्ने फोहोर / Nasusunog na basura / 가연 쓰레기

月 Hai सोम Lunes 월	火 Ba मंगल Martes 화	水 Tur बुध Miyerkules 수	木 Năm बहि Huwebes 목	金 Sáu शुक्र Biyernes 금	土 Bây शनिवार Sabado 토

※あなたの可燃ごみの収集日は、○印のついた日です。

※Ngày thu gom rác đốt được của bạn là ngày được đánh dấu ○. ※तपाईंको जलाउन मिल्ने फोहोर संकलन गर्ने दिन ○ अंकित दिने हो।

※Ang araw ng koleksyon ng iyong nasusunog na basura ay ang araw na minarkahan ng ○. ※가연 쓰레기 수거일은 ○가 표시된 날입니다.

不燃・粗大ごみ

月1回

1 lán/tháng
महिन्यामा एक पटक
Isang beses kada buwan
월 1회

Rác không đốt được/rác công kênh / जलाउन नसकने र ठूलो फोहोर
Hindi nasusunog/malalaking basura / 불연·대형 쓰레기

月 Tháng महिन्या Buwan 월	4 月 Tháng 4 अप्रिल Abril 4월	5 月 Tháng 5 मे Mayo 5월	6 月 Tháng 6 जुन Hunyo 6월	7 月 Tháng 7 जुलाई Hulyo 7월	8 月 Tháng 8 अगस्ट Agosto 8월	9 月 Tháng 9 सेप्टेम्बर Setyembre 9월	10 月 Tháng 10 अक्टोबर Oktubre 10월	11 月 Tháng 11 नोभेम्बर Nobyembre 11월	12 月 Tháng 12 डिसिम्बर Disyembre 12월	1 月 Tháng 1 जनवरी Enero 1월	2 月 Tháng 2 फेब्रुअरी Pebrero 2월	3 月 Tháng 3 मार्च Marso 3월
日 Ngày दिने araw 일												

びん・缶・ペットボトル

月1回

1 lán/tháng
महिन्यामा एक पटक
Isang beses kada buwan
월 1회

Chai, lon, chai nhựa PET / बोटलहरू, क्यानहरू र प्लास्टिकका बोटलहरू
Mga bote, lata, PET bottle / 병·캔·페트병

	4 月 Tháng 4 अप्रिल Abril 4월	5 月 Tháng 5 मे Mayo 5월	6 月 Tháng 6 जुन Hunyo 6월	7 月 Tháng 7 जुलाई Hulyo 7월	8 月 Tháng 8 अगस्ट Agosto 8월	9 月 Tháng 9 सेप्टेम्बर Setyembre 9월	10 月 Tháng 10 अक्टोबर Oktubre 10월	11 月 Tháng 11 नोभेम्बर Nobyembre 11월	12 月 Tháng 12 डिसिम्बर Disyembre 12월	1 月 Tháng 1 जनवरी Enero 1월	2 月 Tháng 2 फेब्रुअरी Pebrero 2월	3 月 Tháng 3 मार्च Marso 3월
びん Chai, lo बोटल Bote 병												
缶 Lon क्यान Lata 캔												
ペットボトル Chai nhựa PET प्लास्टिकका बोटलहरू PET bottle 페트병												

缶などを独自に回収しているスーパーマーケット等があります。ご利用の際は、各店舗の出し方に従って出してください。

Một số siêu thị, v.v... có tự cung cấp dịch vụ thu hồi lon, v.v... Khi sử dụng, vui lòng vớt theo hướng dẫn của từng cửa hàng.

आफैंले क्यान र अन्य वस्तुहरू सङ्कलन गर्ने सुपरमार्केट र अन्य व्यवसायहरू पनी संचालति छन्। प्रयोग गर्ने बेलामा कृपया प्रत्येक पसलको नरिदेशनहरू अनुसार फालनुहोस्।

Ang ilang mga supermarket ay nangongolekta ng mga lata at iba pang mga bagay. Kapag ginamit ang produkto, itapon ito ayon sa mga tagubilin ibinigay sa bawat tindahan.

캔 등을 독자적으로 수거하는 슈퍼마켓 등이 있습니다. 이용할 때는 각 점포의 배출 방법에 따라 주시기 바랍니다.



令和 7 年 3 月作成